

Bản án số: 112/2025/HS-PT
Ngày 21 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 962/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Hà Văn N do có kháng cáo của bị cáo Hà Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Họ và tên: **Hà Văn N**, sinh năm 1972 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); bị cáo có vợ tên Đỗ Thị T1, sinh năm 1976; bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: Ngày 26/8/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, theo Bản án số: 25/2022/HS-ST ngày 26/8/2022, bị cáo chưa chấp hành xong bản án; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2023 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Ngô Thị T2 là Luật sư của Văn phòng Luật sư V và T3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/8/2022, Hà Văn N đã bị kết án về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích. Mặc dù không có giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định nhưng vào khoảng đầu tháng 11/2022, N vẫn nhận san lấp mặt bằng thuê tại thửa đất của Phạm Xuân H tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Để thực hiện việc san lấp mặt bằng, N thuê Dương Văn Đ điều khiển xe máy cóc (máy mức) để khai thác đất, thuê Mai Văn S điều khiển xe ô tô tải để vận chuyển đất san lấp.

Ngày 21/11/2022, N, Đ và S đến thửa đất số 79, tờ bản đồ số 48, diện tích 5.150,3m² tại thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước do Nguyễn Văn D và vợ là Bùi Thị Thanh T4 là chủ sở hữu để khai thác đất. Tại đây, Đ điều khiển xe máy mức hiệu KOBELCO SK5 mức đất đổ lên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 93H - 013.29 cho N điều khiển và xe ô tô tải biển kiểm soát 93H - 006.24 cho S điều khiển chở đến san lấp mặt bằng cho thửa đất của H. Khi N, Đ và S đang thực hiện hành vi khai thác đất trái phép thì bị lực lượng Công an huyện P kiểm tra, phát hiện trên thùng xe ô tô tải biển kiểm soát 93H 013.29 và xe ô tô tải biển kiểm soát 93H - 006.24 có chứa đất, sỏi màu nâu vàng nên tiến hành thu mẫu đất, đá tại vị trí khai thác, trên thùng xe ô tô tải của S và N điều khiển để giám định.

Quá trình điều tra xác định: Vị trí đất bị khai thác có dạng hình chữ nhật, chiều sâu khai thác chỗ sâu nhất cách mặt đất là 1,3 mét. Căn cứ kết quả đo đạc thì phần diện tích đất đã bị khai thác là 41,7m², khối lượng khoáng sản bị khai thác là 54,21m³.

Tại Công văn số 35/TNMT ngày 20/02/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P xác định:

Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 48, diện tích 5.515m², tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện P thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm (CLN) được phê duyệt tại Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 17/06/2022 của UBND tỉnh B về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện P. Hiện nay, thửa đất nêu trên chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số 636/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C xác định:

03 mẫu ký hiệu M1, M2, M3 (các mẫu đất thu tại hiện trường khai thác, trên thùng xe ô tô tải của Sinh và của N) được niêm phong gửi giám định đều là khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 4364/KL-HĐĐGTS ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Phước xác định 54,21m³ đất bị khai thác ngày 21/11/2023 có giá trị 3.225.495 đồng (*Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Đối với 15,478m³ đất thu giữ là vật chứng vụ án, ngày 19/6/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng đã Quyết định xử lý vật chứng đồ lại hiện trường.

Đối với xe ô tô tải biển kiểm soát 93H - 006.24 là tài sản hợp pháp của ông Mai Văn S, không liên quan đến hành vi phạm tội của Hà Văn N. Ngày 04/5/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông S.

Đối với xe máy cuốc (máy đào) hiệu Kobelco SK05, màu vàng xanh, loại bánh xích, không có biển số kiểm soát và xe ô tô tải hiệu Thaco Forland, màu xanh, biển kiểm soát: 93H - 013.29 là của bà Đỗ Thị D1, không liên quan đến hành vi phạm tội của Hà Văn N. Ngày 19/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho bà D1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1/ Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của Bản án số 25/2022/HS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước với hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/9/2024, bị cáo Hà Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Hà Văn N trình bày: Bị cáo xin phạt tiền và sẽ cố gắng nộp số tiền cao nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Hà Văn N có đơn kháng cáo xin hưởng án treo hoặc phạt tiền. Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và bị cáo thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo xin hưởng án treo hoặc phạt tiền. Bị cáo đủ năng lực hành vi, nhận thức khai thác tài nguyên là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì động cơ tư lợi, cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý trong lĩnh vực khai thác tài nguyên. Bị cáo từng bị kết án 02 năm tù nhưng được hưởng án treo. Bị cáo không biết ăn năn hối cải, thái độ thách thức, cần xử lý nghiêm minh, răn đe. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 06 tháng tù là nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Hà Văn N trình bày: Bị cáo vi phạm hành chính lần đầu. Bị cáo muốn tạo công ăn việc làm, hỗ trợ cho các hộ dân có ba người bị ung thư. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử tuyên xử bị cáo là quá nặng. Bị cáo là người làm thuê mướn, bị cáo không cố ý.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày: Bị cáo trình bày không có gì mới. Động cơ bị cáo tạo công ăn việc làm phải đúng quy định pháp luật. Mức án 06 tháng tù là có cân nhắc, xem xét các tình tiết cho bị cáo, không có nặng.

Bị cáo Hà Văn N trình bày: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được xử phạt tiền để bị cáo có thời gian chăm lo cho các con ăn học và các công việc đang dang dở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Văn N thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 21/11/2022, Hà Văn N đã có hành vi khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản là (đất) làm vật liệu xây dựng tại thửa đất số 79, tờ bản đồ số 48, diện tích 5.150,3m², tọa lạc tại thôn A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước với khối lượng đất khai thác là 54,21m³, tương đương số tiền 3.225.495 đồng (*Ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng*).

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản kiểm tra hiện trường; vật chứng đã thu giữ, các kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa.

[3] Bà Ngô Thị T2 là Luật sư của Văn phòng Luật sư V và T3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tòa. Luật sư và bị cáo cũng không có cung cấp tài liệu chứng minh lý do hoãn kèm theo. Tội danh bị cáo bị xét xử không bắt buộc phải có luật sư. Phiên tòa được mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hà Văn N về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý trong lĩnh vực khai thác tài nguyên. Trước đó bị cáo đã bị kết án về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo Bản án số 25/2022/HS-ST ngày 26/8/2022 của TAND tỉnh Bình Phước, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi này thể hiện bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật.

[4.2] Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho bị cáo. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các nội dung khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Văn N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; 50; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hà Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”. Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của Bản án số 25/2022/HS-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2024/HS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Hà Văn N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước ;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Lưu HSVA (NTCL) (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu_**

Đinh Ngọc Thu Hương